TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 09-4-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 747/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-ST ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV**.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà T, số 9 VB, Phường T, Quận T, TP.HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành Viên của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân Hàng VNTV.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Mỹ H** – Chức vụ: Trưởng nhóm tố tụng-Phòng Thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hội nợ - Khối quản trị rủi ro - Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân Hàng VNTV (Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/6/2018)

Bà Phạm Thị Mỹ H ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1996; Địa chỉ liên lạc: đường số 7, khu dân cư L, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng. (Theo văn bản ủy quyền số 613/UQTA-VH.18 ngày 18/12/2019) (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Trừ Văn B,** sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công Ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV (viết tắt là Công ty Tài chính) do bà Nguyễn Kim T làm đại diện trình bày: Ngày 29/01/2016, ông Trừ Văn B có ký văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160129-105014-0379 với Công ty Tài chính vay số tiền 48.389.012 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười hai đồng) đồng, với lãi suất thoả thuận cho vay 4.16%/ tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên, ông Trừ Văn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 94.246.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.619.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.581.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/3/2016.

Thực hiện hợp đồng này, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính 09 kỳ tổng cộng số tiền là 23.571.000 đồng. Kể từ ngày 25/5/2018 cho đến nay, ông Trừ Văn B không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào, dù Công ty Tài chính đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do ông Trừ Văn B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trừ Văn B thanh lý hợp đồng tín dụng nêu trên và trả một lần cho cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền vay còn nợ là 70.675.000 đồng, bao gồm các khoản sau:

Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 39.875.210 đồng.

Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 30.799.790 đồng.

Các khoản lãi theo thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên đã chấm dứt không còn phát sinh nữa kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 20/3/2019, bị đơn là ông Trừ Văn B trình bày: Ông B thừa nhận có vay tiền tại Công ty tài chính và chưa trả nợ xong. Ông B xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho Công ty Tài chính cho đến khi hết nợ.

Tại phiên Tòa, đại diện của nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công Ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV khởi kiện yêu cầu ông

Trừ Văn B phải thanh toán số tiền nợ vay 70.675.000 đồng đồng (gồm cả gốc và lãi) từ văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160129-105014-0379 ngày 29/01/2016. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là ông B cư trú tại ấp B, xã G, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cho vay tài sản" mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Đại diện của nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Căn cứ theo lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ của đại diện nguyên đơn được bị đơn thừa nhận thì xác định giữa Công Ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV và ông Trừ Văn B có xác lập văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160129-105014-0379 ngày 29/01/2016 và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 70.675.000 đồng (B mươi triệu sáu trăm B mươi lăm nghìn đồng), trong đó, nợ gốc là 39.875.210 đồng, nợ lãi là 30.799.790 đồng là có thật. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Bị đơn là ông Trừ Văn B còn nợ Công ty Tài chính số tiền nợ gốc và lãi là 70.675.000 đồng, nhưng ông B xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng yêu cầu này không được đại diện của nguyên đơn đồng ý, mặt khác pháp luật cũng không có quy định nào cho phép bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ được trả dần, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[4.3] Do ông Trừ Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên, nên Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh nợ gốc, nợ lãi tổng cộng là 70.675.000 đồng (bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về mức lãi suất cho vay là 4.16%/tháng và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Công ty Tài Chính với ông B được áp dụng đúng như hai bên thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11 quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành kèm

theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại quyết định số 127/2005/QĐ-HNNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên có căn cứ chấp nhận.

[4.5] Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện của nguyên đơn xác định các khoản lãi theo thỏa thuận Khoản 16 Điều 4, Điều 11, Điều 91, Điều 93, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 hợp đồng tín dụng nêu trên đã chấm dứt không còn phát sinh nữa kể cả trong giai đoạn thi hành án, nên ông B không phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền còn nợ trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị đơn là ông Trừ Văn B phải chịu 3.533.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 11, Điều 91, Điều 93, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV đối với ông Trừ Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Buộc ông Trừ Văn B phải trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ vay là 70.675.000 đồng (Bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 39.875.210 đồng, nợ lãi là 30.799.790 đồng.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Ông Trừ Văn B không phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền còn nợ trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Buộc ông Trừ Văn B phải nộp 3.533.750 đồng (Ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn B trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV do bà Nguyễn Kim T nộp thay là 1.767.000 đồng (Một triệu B trăm sáu mươi B nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003835 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương